

ĐẶC THÙ DÂN TỘC THỂ HIỆN TRONG MỘT SỐ THÀNH NGŨ

DẶNG THANH PHƯƠNG

1. Khi đối chiếu, so sánh tục ngữ, thành ngữ của một số dân tộc khác nhau trong cùng một nước hoặc các nước khác, các nhà nghiên cứu nhận thấy có nhiều thành ngữ, tục ngữ rất giống nhau về nội dung. Sự giống nhau này rõ rệt nhất ở cách tư duy và ý thức phản ánh, tuy nhiên hình thức biểu hiện không hề giống nhau. Chính cái hình thức này là điều cần lưu ý, vì nó mang đặc thù dân tộc đậm nét. “Phong tục của một dân tộc có tác động đến ngôn ngữ, và mặt khác, trong chừng mực khá quan trọng, chính ngôn ngữ làm nên dân tộc” (1). Theo cách này, ngôn ngữ chính là cái làm nên cốt cách, đặc thù riêng của một dân tộc với tư cách không chỉ là công cụ giao tiếp, mà còn là phương tiện lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Dân tộc nào cũng giữ gìn, trân trọng vốn thành ngữ (cùng với tục ngữ, ca dao), bởi chúng là những tấm gương phản ánh thực tế xã hội, phản ánh đặc trưng văn hóa và bản sắc của từng tộc người theo quy ước riêng của mỗi cộng đồng người bản ngữ.

Bản sắc dân tộc và đặc điểm văn hóa của nó được thể hiện ở chỗ, khi một thành ngữ được người nghe tiếp nhận thì lập tức được tách riêng ra hình ảnh dân tộc đặc thù. Vì vậy nếu không phải là người bản ngữ, người tiếp nhận sẽ rất khó khăn khi lĩnh hội nội dung ngữ nghĩa của thành ngữ, vì không giải mã được nghĩa hình tượng ở tầng nghĩa thứ hai, do không hiểu hình ảnh cụ thể được dùng như thế nào ở tầng nghĩa thứ nhất.

Việc giải mã để hiểu đúng nghĩa hình tượng luôn luôn tiềm ẩn trong cấu trúc ngữ nghĩa của thành ngữ, đòi hỏi phải có sự khảo sát ngoài ngôn ngữ, có liên quan đến những tri thức về phong tục tập quán, lối sống, phép

ứng xử của mỗi dân tộc. Vì vậy muốn khám phá bản sắc dân tộc trong thành ngữ, tục ngữ, người bản ngữ cũng cần am hiểu tri thức nền liên quan đến cơ cấu nghĩa của thành ngữ, tục ngữ và trên cơ sở đó tiến hành đối chiếu hai nền văn hóa để thấy được, ngoài tính biểu cảm cao, thành ngữ tục ngữ còn bộc lộ rõ tính hình tượng được khúc xạ từ những mối liên tưởng tương tác khác nhau. Khi đối chiếu hai nền văn hóa sẽ thấy, mỗi ngôn ngữ đều chứa đựng một hệ thống thành ngữ, tục ngữ đặc thù qua tấm gương một ngôn ngữ khác. Do hiện thực ở các khu vực ngôn ngữ khác nhau được chia theo hướng lát cắt khác nhau, cho nên thường thấy là, một lối biểu đạt tồn tại ở tư duy, nếp sống dân tộc này song lại không tồn tại ở tư duy, nếp sống dân tộc khác. Ví dụ thành ngữ thể hiện một nội dung “đừng làm một việc thừa, vô ích”:

Thành ngữ Việt Nam: Chở củi về rừng

Thành ngữ Nga: Chớ chở ăm Xa mô va tới Tu La

Ví dụ khác: Có một số học sinh dân tộc ở miền núi khi nghe giảng bài ca dao “Tát nước đầu đình” đã cho rằng “Sao mà người miền xuôi say mê tát cá nhiều như vậy”. Với các em, nói đến tát nước là để bắt cá; và không thể liên tưởng đến những hình ảnh như: tát nước đêm trăng, tát nước gàu sòng, và cũng sẽ không hiểu hoặc hiểu một cách rất khó khăn thành ngữ “Tát nước theo mưa”.

Từ thí dụ nêu trên có thể thấy, muốn khám phá và tách ra được đặc trưng dân tộc và truyền thống văn hóa của nó thể hiện trong thành

(1) F.de Saussure *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*. Nxb Khoa học xã hội, H, 1973, tr.47

ngữ, tục ngữ cần có tri thức nhiều mặt để giải mã cơ cấu nghĩa của thành ngữ, tục ngữ - bao gồm cả những hiểu biết về ngôn ngữ và những tri thức ngoài ngôn ngữ về phong tục, tập quán, lối sống, tôn giáo... của dân tộc người nói ngôn ngữ đó.

2. Những đơn vị thành ngữ mang đặc thù dân tộc và truyền thống văn hóa xã hội đậm

Thành ngữ Việt

- * Trứng khôn hơn vịt (Người non nớt đòi khôn hơn người từng trải)

Thành ngữ Việt

- * *Trói gà không chặt* (Yếu đuối, không làm nổi những việc xốc vác)
- * *Chết đuối đũa đèn* (Thất bại hoặc chết vì hoàn cảnh, lý do rất tầm thường)

- * *Bụng ông đit beo* (Trẻ con gầy còm, ốm yếu)

- * *Có tật giết mình* (Tỏ ra lo sợ khiến người ngoài phát hiện được mình đang cố giấu một điều gì sai trái)

v.v...

Qua những ví dụ trên có thể thấy, nghĩa hình tượng của thành ngữ ở mỗi dân tộc được hình thành do những liên tưởng khác nhau, có liên quan đến phong tục dân tộc.

Như vậy, trong cấu trúc nghĩa của thành ngữ, nghĩa hình tượng đặc trưng của mỗi dân tộc cần được giải mã thông qua những tri thức ngoài ngôn ngữ, gắn với phong tục, tập quán hoặc lối sống, cách ứng xử trong xã hội của từng cộng đồng người, từng dân tộc. Nếu không nắm được những tri thức đó sẽ không giải thích được nội dung của nhiều thành ngữ, tục ngữ, đặc biệt là những thành ngữ biểu thị phong tục, tập quán của từng dân tộc. Chẳng hạn, thành ngữ *Slây cây tau thàng bầu* (Ruột gà

nét thì trong giao tiếp, thường được cộng đồng người bản ngữ sử dụng theo giá trị quy ước. Đó là những thành ngữ ở các ngôn ngữ khác nhau, có cùng một nội dung, nhưng hình ảnh diễn đạt nội dung ấy lại khác nhau, thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá, thái độ ứng xử, các quan hệ xã hội của các dân tộc người là không giống nhau. Ví dụ:

Thành ngữ Lào

- * Xúc còn hòm (Chín trước ương)

Thành ngữ Tây - Nùng(1)

- * *Con nu ná cóc khi* (đánh chó không vãi cứt)
- * *Khảm đay kha tả, bầu quá đay kha mương* (Qua được sông to mà không qua được mương nước)

- *Slua thai pá cót* (Hổ chết ở rừng thưa)

- * *Slây cây tau thàng bầu* (Ruột gà nổi tận trời): Đứa trẻ ốm yếu quặt quẹo được ví như hình tượng ruột gà nổi tận trời, do phong tục phải mổ gà cúng bái nhiều lần khi trẻ ốm đau.

- * *Cóp mì Slây cốp đau, hua mì hâu hua đần* (Ếch có tật ếch lo, đầu có chấy thì ngứa)

v.v...

nổi tận trời) liên quan để phong tục người Tây, Nùng thường giết gà sửa lễ cúng bái khi đứa trẻ bị ốm đau. Hoặc thành ngữ *Chết đuối đũa đèn* trong tiếng Việt cần được hiểu: *đũa đèn* là loại đĩa nông lòng dùng đựng dầu lạc, có bắc bằng lõi cây để thấp sáng, được dùng phổ biến trong nông thôn người Việt trước đây. Với những thành ngữ này, nếu không có những hiểu biết ngoài ngôn ngữ thì không thể hiểu nghĩa hình tượng của thành ngữ vốn có liên hệ đến tập quán, sinh hoạt của mỗi dân tộc.

(1) Xem Lục Văn Páo. *Thành ngữ Tây Nùng*. Nxb Khoa học xã hội. H, 1991, tr.20, 35, 83, 88.

3. Để chứng minh về bản sắc dân tộc được thể hiện trong các đơn vị thành ngữ, tục ngữ liên quan đến những tri thức ngoài ngôn ngữ, xin nêu một vài thí dụ.

Thành ngữ *Lệnh ông không bằng cồng bà* (Nói về vai trò quyết định của người vợ trong gia đình). Để giải mã, có thể đưa ra một chứng tích mà đến nay vẫn hiện diện trong đời sống người dân làng Vó, tức làng Quảng Bó, huyện Gia Lương, Hà Bắc: Ở đây người ta thường đánh cồng hoặc đánh lệnh trong đám ma. Nếu nghe tiếng cồng, biết người vừa qua đời là phụ nữ (cồng to hơn lệnh). Nghe tiếng lệnh biết người vừa mất là nam giới (so sánh: tiếng cồng trầm hùng vang xa, tiếng lệnh nhỏ lạnh lẽo). Hoặc một chứng tích khác về thành ngữ này được ghi nhận là, theo phong tục cưới xin ở một số dân tộc, trước khi đón dâu, nhà trai thường đánh một vài hồi lệnh (thanh la) và chờ đến khi có tiếng cồng của nhà gái đáp lại mới được phép đón dâu.

Thành ngữ *Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược* có liên quan đến một nghi thức tế lễ trong đám ma. Đó là nghi lễ gọi hồn người chết, một phong tục vốn tồn tại từ lâu đời trong đời sống người Việt. Ở các làng quê Việt Nam, các nghi thức tế lễ trong đám ma được tuân thủ nghiêm ngặt dưới sự điều khiển của người chủ tế, trong đó có gọi hồn người quá cố. Nghi thức gọi hồn thường được tiến hành một vài lần trong thời gian quan tài còn quàn tại nhà. Nghi thức này được thực hiện dưới sự điều khiển của người chủ tế (thường là các thầy cúng) theo trình tự sau: Tất cả thân nhân của người quá cố chia làm hai đoàn, do hai người trong đội nhạc đám ma dẫn đầu một người đánh trống, một người thổi kèn. Hai đoàn người này, dưới sự điều khiển của người chủ tế, cùng một lúc sẽ đi xung quanh quan tài theo hai hướng ngược chiều nhau. Đoàn đi vòng trong sát quanh quan tài do người đánh trống dẫn đầu theo hướng chiều quay của kim đồng hồ (hướng xuôi). Đoàn ở vòng ngoài do người thổi kèn dẫn đầu, đi theo hướng ngược chiều quay của kim đồng hồ. Những người theo sau vừa than khóc, vừa gọi tên người chết trong tiếng trống, tiếng kèn. Khi nghi lễ gọi hồn kết thúc,

đoàn người mới tản ra và về vị trí của mình. Như vậy, trong nghi lễ này, người đánh trống dẫn đầu đoàn người đi xuôi (đi quanh quan tài theo hướng kim đồng hồ), còn người thổi kèn dẫn đầu một đoàn đi ngược (đi quanh quan tài theo hướng ngược chiều quay của kim đồng hồ).

Vì vậy mà người ta mới nói “trống đánh xuôi” (đánh trống đi xuôi) và “kèn thổi ngược” (thổi kèn đi ngược). Phải chăng cách thức tiến hành nghi lễ gọi hồn này tạo nên xuất xứ thành ngữ “Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Có một thực tế là, trong khi hành lễ người ta chỉ chú ý đến trình tự, cách thức tiến hành nghi lễ gọi hồn mà không để ý đến chi tiết khác. Chỉ có những người ở xa chỗ đám ma mới nghe thấy sự không ăn nhập, không phối hợp nhịp nhàng của tiếng trống, tiếng kèn để tạo nên âm hưởng của bản nhạc. Và có lẽ xuất xứ của thành ngữ “Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” dần dần bị lãng quên, đến chỗ còn rất ít người hiểu hình ảnh cụ thể được dùng như thế nào ở tầng nghĩa thứ nhất. Tình trạng không ăn khớp, chùng chảng mỗi người một phách, không có sự phối hợp nhịp nhàng, thống nhất như cách hiểu hiện nay phải chăng chính là nghĩa hình tượng thuộc tầng nghĩa thứ hai của thành ngữ này.

4. Thành ngữ là đơn vị ngôn ngữ mà trong cơ cấu nghĩa có những thành tố bất thường, đôi khi vô lý xét về mặt lô gích, nhưng lại được cộng đồng người bản ngữ chấp nhận (mà thành ngữ “Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” là một ví dụ). Nếu chỉ dựa vào hình thức cấu tạo của thành ngữ thì nhiều khi không lý giải được tính vô lý, bất thường trong cơ cấu nghĩa của thành ngữ, không giải mã được nghĩa hình tượng ở tầng nghĩa thứ hai, do không hiểu hình ảnh cụ thể được dùng như thế nào ở tầng nghĩa thứ nhất.

Để hiểu đúng nghĩa hình tượng luôn tiềm ẩn trong cấu trúc nghĩa của thành ngữ, trong nhiều trường hợp đòi hỏi phải có sự khảo sát, tìm hiểu nhân tố ngoài ngôn ngữ, có liên quan đến tri thức nền về phong tục, tập quán, lối sống và phép ứng xử của mỗi dân tộc.